TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CB** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54/2021/QĐST-HNGĐ	*Cao Bằng, ngày 14 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Đinh Thị Thu H –** Sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 7, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* **Nông Văn N –** Sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 7, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà **Đinh Thị Thu H –** Sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 7, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

- Ông **Nông Văn N –** Sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 7, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Đinh Thị Thu H và ông Nông Văn N.

- Về con chung: Hai bên đương sự xác nhận trong quá trình chung sống có 01 con chung tên là: Nông Khánh N – Sinh ngày 21/4/2018 (Giới tính: Nữ) hiện con chung đang sống với mẹ.

Hai bên đương sự thống nhất giao con chung Nông Khánh N – Sinh ngày 21/4/2018 (Giới tính: Nữ) cho bà Đinh Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ông Nông Văn N có trách nhiệm đóng góp nuôi con mỗi tháng là 500.000đ/tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Bà Đinh Thị Thu H và ông Nông Văn N mỗi người phải nộp 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng bà H tự nguyện nộp thay cho ông N số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng).*

Ông Nông Văn N phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đinh Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình và án phí về nghĩa vụ đóng góp nuôi con; Cộng cả hai khoản án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn). Nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Đinh Thị Thu H đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* theo biên lai số AA/2018/0000997 ngày 09/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà Đinh Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát TPCB;
- CCTHADS TPCB;
- UBND xã phường NX, TPCB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bế Lan Phương